

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ B
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **228/2022/HS- ST**
Ngày: 06/9/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ B, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Tố Loan.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nông Trung Kiên.**

Bà **Nguyễn Thị Tâm.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Tiến Trường** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Thủy** - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 233/2022/TLST- HS ngày 04 tháng 8 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 237/2022/QĐXXST- HS ngày 24 tháng 8 năm 2022 đối với Bị cáo:

Họ và tên: **Quàng Văn T**; Tên gọi khác: Lò Văn T; sinh năm: 1988, tại Điện Biên; Nơi cư trú: Bản X, xã P L, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Quàng Văn O, sinh năm 1964; Con bà: Cà Thị E (đã chết); Bị cáo chung sống như vợ chồng với chị Khoàng Thị Đ; sinh năm 1995 và có 02 người con chung, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2018. Tiền án: Không. Tiền sự: Không. Về nhân thân, Bị cáo chưa bị xử lý vi phạm hành chính, chưa bị Tòa án nào xét xử.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 13/5/2022, sau đó bị tạm giam cho đến ngày xét xử (*có mặt tại phiên tòa*).

* *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Anh **Lò Văn T1**; sinh năm 1995; Địa chỉ: Bản P C, xã P L, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên (*vắng mặt có lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 13/5/2022, Quàng Văn T đang ở nhà một mình tại: Bản X, xã P L, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên, có Lò Văn T1, sinh năm: 1995, nhà ở: bản P C, xã P L, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên đến chơi, trong quá trình ngồi chơi nói chuyện, Bị cáo nói với T1 chờ Bị cáo đi chơi, Bị cáo sẽ trừ tiền nợ mà T1 thay chiếc lốp xe mô tô T1 đang nợ Bị cáo, T1 nhận lời chờ Bị cáo đi chơi. Khoảng 19 giờ cùng ngày T1 lấy xe mô tô biển kiểm soát 27B2- 213.84 chở Bị cáo đi chơi, T1 cầm lái xe, Bị cáo ngồi sau, khi đi Bị cáo cầm theo 6.000.000 đồng, Bị cáo ngồi sau xe chỉ đường cho T1. Mục đích Bị cáo đi lên bản S T, xã N T, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên để tìm mua Heroine về sử dụng. Vào khoảng 20 giờ cùng ngày Bị cáo và T1 đi đến đầu bản S T, xã N T, huyện Đ B, Bị cáo bảo T1 dừng xe lại, Bị cáo nói với T1 ngồi ở đây chờ Bị cáo. Bị cáo đi bộ một mình đi được khoảng 200 mét thì gặp một người phụ nữ dân tộc Mông khoảng 40 tuổi, không biết tên, địa chỉ, qua trao đổi nói chuyện, Bị cáo hỏi người phụ nữ “có Heroine bán không?, bán cho Bị cáo 6.000.000 đồng?”, người phụ nữ trả lời “Có” rồi bảo Bị cáo đưa tiền, Bị cáo lấy tiền cầm theo đưa cho người phụ nữ, người phụ nữ cầm tiền của Bị cáo xong, người phụ nữ bảo Bị cáo đứng chờ, khoảng 20 phút sau người phụ nữ quay lại đưa cho Bị cáo một túi Heroine được gói bên ngoài bằng nilon màu trắng, Bị cáo cầm túi Heroine kiểm tra lại bên trong có 06 gói Heroine trong đó có 05 gói được gói bên ngoài bằng nilon màu trắng và 01 gói được gói bên ngoài bằng nilon màu xanh, miệng tất cả các gói đều được hàn kín, bên trong các gói có cục bột Heroine, Bị cáo đồng ý mua. Bị cáo buộc thắt nút miệng túi lại, cầm số ma túy đó ở tay phải rồi thả áo khoác đang mặc xuống che bàn tay không cho ai nhìn thấy. Sau đó Bị cáo đi bộ quay lại chỗ T1 chờ, nói với T1 xong việc rồi đi về nhà thôi. T1 cầm lái xe máy còn Bị cáo ngồi sau xe đi đến khu vực; bản H C, xã N T, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên thì gặp tổ công tác ra hiệu lệnh dừng xe mô tô lại kiểm tra. Quá trình kiểm tra đã phát hiện thu giữ của Bị cáo 06 gói Heroine và xe mô tô biển kiểm soát 27B2- 213.84, ngoài ra không phát hiện thu giữ gì thêm. Với nội dung trên tổ công tác đưa toàn bộ vật chứng cùng Bị cáo và T1 về đồn Biên phòng Mường Nhà, tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Bị cáo và niêm phong vật chứng theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/5/2022 tại Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên đã tiến hành cân xác định khối lượng số vật chứng thu giữ của Quàng Văn T như sau: Số cục bột màu trắng nghi Heroine có khối lượng là: 22,27 gam gửi toàn bộ giám định, Vật chứng hoàn lại sau giám định là: 21,8 gam.

Tại bản kết luận giám định số: 661/GĐ-PC09 ngày 15/5/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên đã kết luận: Mẫu chất bột màu trắng được gửi đi từ vật chứng thu giữ của Quàng Văn T gửi giám định là chất ma túy, loại Heroine.

Tại bản Cáo trạng số 150/CT-VKSĐB ngày 03 tháng 8 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ B truy tố bị cáo Quàng Văn T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249/BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên giữ quyền công tố, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điểm g khoản 2 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo: Từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với Bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 21,8 gam Heroine là vật chứng hoàn lại sau giám định.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 27B2- 213.84 thu giữ mang tên Lò Văn T1. Quá trình điều tra xác minh chủ sở hữu hợp pháp là của anh Lò Văn T1; sinh năm 1995; Địa chỉ: Bản P C, xã P L, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên. Anh T1 nhận lời chở Bị cáo đi chơi nhưng không biết việc Bị cáo đi mua ma túy và cất giấu ma túy trong người. Đề nghị HĐXX trả lại chiếc xe trên cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Lò Văn T1.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136/BLTTHS; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí HSST cho Bị cáo.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát truy tố.

Lời nói sau cùng của Bị cáo trước khi HĐXX nghị án: Bị cáo đã thấy việc làm của mình là vi phạm pháp luật, Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho Bị cáo để Bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của Bị cáo:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Quảng Văn T khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng như phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản mở niêm phong xác định khối lượng; Kết luận giám định, Kết luận điều tra, các bản cung, biên bản ghi lời khai, bản tự khai có trong hồ sơ vụ án cũng như cáo trạng đã truy tố đối với Bị cáo, có đủ cơ sở khẳng định: Vào hồi 21 giờ ngày 13/5/2022 tại khu vực Bản H C, xã N T, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên. Quảng Văn T đã có hành vi cất giấu trái phép 22,27 gam Heroine trên người nhằm mục đích sử dụng cho bản thân. Hành vi của Bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma

túy, vi phạm pháp luật. Hành vi nêu trên của Bị cáo có đủ các yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Điều 249 Bộ luật hình sự quy định:

“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.

...

c)...Heroin...có khối lượng từ 05 gam đến dưới 30 gam”.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo thực hiện hành vi do lỗi cố ý trực tiếp. Vì vậy, khẳng định Viện kiểm sát truy tố Bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Điều luật đã viện dẫn ở trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật, không bị oan sai.

[2] Về tính chất của vụ án: Vụ án thuộc trường hợp rất nghiêm trọng. Hành vi cất giấu trái phép chất ma túy nhằm mục đích để sử dụng của Bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, gây mất trật tự tại địa phương, gây dư luận xấu trên địa bàn. Mặt khác ma túy là hiểm họa của loài người, là nguyên nhân phát sinh các tệ nạn xã hội và tội phạm khác, Bị cáo thiếu ý thức chấp hành pháp luật. Chính vì vậy Bị cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi phạm tội mà mình đã gây ra. Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với Bị cáo để giáo dục Bị cáo trở thành công dân tốt và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của Bị cáo:

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với Bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về nhân thân: Bị cáo sinh ra và lớn lên tại xã P L, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên được gia đình cho đi học hết lớp 09/12, nghỉ học ở nhà làm giúp gia đình. Bị cáo chung sống như vợ chồng với Khoảng Thị Đào từ năm 2013. Bị cáo có 02 người con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2018. Bị cáo sử dụng ma túy từ năm 2010 cho đến ngày bị bắt.

Việc đề nghị áp dụng hình phạt của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đối với Bị cáo là có căn cứ nên HĐXX cần chấp nhận.

[4] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”*.

Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của Bị cáo tại phiên tòa cho thấy, nghề nghiệp của Bị cáo là làm ruộng, thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng có giá trị. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với Bị cáo.

[5] Về vật chứng vụ án gồm: Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 21,8 gam Heroine là vật chứng còn lại sau giám định là vật Nhà nước cấm tàng trữ.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 27B2- 213.84, anh T1 nhận lời chở Bị cáo đi chơi nhưng không biết việc Bị cáo đi mua ma túy và cất giấu ma túy trong người. Quá trình điều tra xác minh chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe mô tô trên là của anh Lò Văn T1; sinh năm 1995; Địa chỉ: Bản P C, xã P L, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên. Vì vậy cần trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là cần thiết.

[6] Các vấn đề khác: Bị cáo khai nguồn gốc số ma túy Cơ quan điều tra thu giữ do Bị cáo mua của một người phụ nữ dân tộc Mông khoảng 40 tuổi (không biết tên, tuổi, địa chỉ ở đâu) Cơ quan điều tra Công an huyện Đ B và Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ B không đề cập nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

Đối với Lò Văn T1, trong quá trình điều tra T1 khai nhận không biết việc Bị cáo đi mua ma túy, T1 không biết Bị cáo cất giấu ma túy trên người. Cơ quan điều tra Công an huyện Đ B và Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ B không đề cập nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng:

[7.1] Tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Cơ quan truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[7.2] Về sự vắng mặt của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lò Văn T1. Xét thấy Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Trong quá trình điều tra Người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ vụ án. Nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, xét xử vắng mặt Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136/BLTTHS; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí HSST cho Bị cáo vì Bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn.

[9] Về kháng cáo: Bị cáo, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: Điểm g khoản 2 Điều 249; Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Quảng Văn T (tên gọi khác: Lò Văn T) phạm tội: "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".

Xử phạt Bị cáo: **08 năm 06 tháng** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (13/5/2022).

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

2. Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

*** Tịch thu tiêu hủy:** 21,8 gam Heroine là vật chứng còn lại sau giám định.

*** Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan** Anh Lò Văn T1; sinh năm 1995; Địa chỉ: Bản P C, xã P L, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên.

- 01 xe mô tô, biển số 27B2- 213.84; nhãn hiệu: HONDA; số loại: WAVE &; màu sơn: Trắng Đen Bạc; số khung: RLHJA3919KY014403; số máy: JA39E-0870413; dung tích: 109. Xe cũ đã qua sử dụng không kiểm tra máy móc bên trong.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/8/2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ B và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ B, tỉnh Điện Biên).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí HSST cho Bị cáo.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ

ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có NVLQ;
- Nhà tạm giữ CAHĐB;
- VKSND H. Đ B;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- CQCSĐT CAHĐB;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Chi cục THADS HĐB;
- Toà án ND tỉnh Điện Biên;
- Bộ phận HSNV C.an HĐB;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Sở tư pháp;
- Lưu VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHÂN TÒA**

Trần Thị Tố Loan